

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày 13 - 4 - 2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Thủy và ông Trần Xuân Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Huỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 341/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2021, về: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn 3, xã X, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa

Chỗ ở: Thôn 2, xã M, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: Anh Trần Lê H1 - Sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn 3, xã X, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa chị H xin vắng mặt, anh H1 vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Trần Lê H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức cưới và được UBND xã Xuân Thọ, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/3/2014. Sau khi cưới vợ chồng sống bình thường, cho đến tháng 5/2015 vợ chồng cãi nhau chị đã cắt tay tự tử nhưng được mọi người cứu sống và đến giữa năm 2017 thì lại phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh H1 sống gia trưởng, tự ý quyết định mọi vấn đề mặc dù đã được khuyên ngăn nhưng anh H1 còn chửi mắng đánh đập chị. Mâu thuẫn càng trầm trọng cho đến tháng 02/2021 do không chịu đựng được nên chị cùng con bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và từ đó vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Do hạnh phúc không còn nên vào tháng 6/2021 chị có đơn xin ly hôn, nhưng vì hai con nên chị rút đơn khởi kiện. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân đã lâu nên chị xin được ly hôn anh Trần Lê H1.

- *Về con chung*: Anh chị có 02 con chung là Trần Lê Ánh Ng, sinh ngày 09/9/2014 và Trần Lê Ánh TH1, sinh ngày 11/10/2016. Hiện nay hai cháu khỏe mạnh bình thường và đang ở với chị. Nay ly hôn chị xin được nuôi dưỡng cả hai cháu và yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con cùng chị mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho một cháu. Hiện nay chị làm công nhân thu nhập 12 triệu 01 tháng.

- *Về tài sản chung*: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết

* *Tại bản tự khai, bị đơn anh Trần Lê H1 trình bày:*

- *Về hôn nhân*: Theo nội dung đơn khởi kiện của cô H là đúng, mâu thuẫn vợ chồng anh xét thấy chưa đến mức phải ly hôn, vậy anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nuôi con chung.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Lê Ánh Ng, sinh ngày 09/9/2014 và Trần Lê Ánh TH1, sinh ngày 11/10/2016. Hiện nay hai cháu đang ở với cô H. Nay nếu cô H cương quyết xin ly hôn và có nguyện vọng xin được nuôi hai cháu thì anh cũng đồng ý và cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu của cô H.

- *Về tài sản chung*: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn đã tiến hành làm việc tại xã Xuân Thọ, huyện Triệu Sơn nơi anh chị sinh sống, theo thông tin cung cấp thì được biết: Chị H và anh H1 là vợ chồng, kết hôn năm 2014 và UBND xã Xuân Thọ cấp giấy kết hôn. Mâu thuẫn vợ chồng địa pH không nắm rõ. Hiện nay chị H đã bỏ về nhà bên ngoại sinh sống, không thấy chị H quay về sinh sống cùng gia đình chồng. Anh H1 và chị H có 02 con chung là Trần Lê Ánh Ng và Trần Lê Ánh TH1, anh chị cụ thể làm việc gì địa pH không biết. Anh H1 đi làm ăn thỉnh thoảng mới về.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Đối với các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Qua tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa thấy rằng, yêu cầu khởi kiện của chị H là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H được ly hôn anh H1; Về con chung, đề nghị giao cháu Trần Lê Ánh Ng và Trần Lê Ánh TH1 cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng và anh H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị H mỗi tháng là 1.000.000đồng cho một cháu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Chị H xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Cả chị H và anh H1 đều có địa chỉ cư trú tại xã Xuân Thọ, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Trần Lê H1 không có mặt tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục và phiên tòa cũng được hoãn lần thứ nhất vào ngày 31/3/2022. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 BLTTDS xét xử vắng mặt anh H1 và chị H.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Lê H1 kết hôn với nhau năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn và không vi phạm điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Theo chị H vợ chồng sau khi cưới vợ chồng sống đến tháng 5/2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên hay cãi nhau chị đã cắt tay tự tử và từ tháng 02/2021 do không chịu đựng được nên chị cùng con bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ đó không quan tâm đến nhau. Do hạnh phúc không còn nên vào tháng 6/2021 chị có đơn xin ly hôn, nhưng vì hai con nên chị rút đơn khởi kiện. Chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn. Anh H1 xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh xin được đoàn tụ.

Xét thấy: Anh H1 mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nhưng qua lời khai của anh và chị H đều thể hiện mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ việc bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi nhau, đánh nhau và Tòa án đã giải quyết ly hôn vào năm 2021 nhưng chị H rút đơn khởi kiện.

Theo xác nhận của UBND xã Xuân Thọ thể hiện hiện chị H đã bỏ về nhà ngoại ở và không quay về địa pH sinh sống.

Mặc dù anh H1 không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có biện pháp hiệu quả để hàn gắn tình cảm vợ chồng, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng anh H1 không có mặt và tại phiên tòa anh cũng vắng mặt, chứng tỏ anh không mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ tH yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng cuộc sống, hạnh phúc gia đình, nhưng ở đây chị H đã thực sự không còn tình cảm với anh H1, anh H1 không quan tâm bỏ mặc việc giải quyết vụ án và không thiết tha níu kéo tình cảm vợ chồng và thời gian vợ chồng ly thân đã lâu, không quan tâm chăm sóc nhau. Do đó nếu buộc anh chị quay về đoàn tụ thì cuộc sống vợ chồng cũng khó cải thiện được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H và căn cứ Điều 56 Luật HN&GD xử cho chị H được ly hôn anh H1 là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 02 con chung là Trần Lê Ánh Ng, sinh ngày 09/9/2014 và Trần Lê Ánh TH1, sinh ngày 11/10/2016. Nay ly hôn anh H1 và chị H đều đề nghị giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh H1 cấp dưỡng nuôi con cùng chị H mỗi tháng là 1.000.000đồng cho 01 cháu.

Anh H1 đề nghị nếu ly hôn, chị H có nguyện vọng xin được nuôi hai cháu thì anh cũng đồng ý. Xét thấy nguyện vọng giao con của anh H1 cho chị H nuôi dưỡng là hoàn toàn chính đáng và tự nguyện. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện nay các cháu còn nhỏ, cả hai cháu đang ở với chị H, chị chăm sóc tốt, anh H1 không quan tâm chăm sóc con và theo nguyện vọng của cháu Ng là xin được ở với mẹ, ngoài ra chị H hiện làm công nhân có thu nhập đủ để nuôi con. Vì vậy, để cuộc sống của các cháu không bị xáo trộn, không bị ảnh hưởng đến tâm, sinh lý; nhằm đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt cho các cháu. Nên cần áp dụng Điều 81 và 82 Luật HN&GD giao cháu Ng và cháu TH1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 1.000.000đồng cho một cháu, cả hai cháu là 2.000.000đ/tháng. Theo anh H1 nếu ly hôn anh cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu của cô H. Hội đồng xét xử thấy rằng, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng, mà đây cũng là nguyện vọng của chị H và anh H1. Nhưng do không có ý kiến trực tiếp của anh H1 về mức thu nhập của mình, xét thấy mức cấp dưỡng chị H đưa ra là không cao so với mức với thu nhập cũng như mức sống hiện nay tại địa pH, nên cần chấp nhận mức cấp dưỡng mỗi tháng là 1.000.000đồng cho một cháu là phù hợp. Do vậy Hội đồng xét xử buộc anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H mỗi tháng là 1.000.000đồng cho một cháu, cả hai cháu mỗi tháng

là 2.000.000đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2022 đến khi cháu Ng và cháu TH1 đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung: Chị H và anh H1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn trong vụ án nên buộc chị H phải chịu án phí dân sự hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000^d.

Anh Trần Lê H1 phải chịu 300.000đ án phí DSST về nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Lê H1.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Công nhận vợ chồng có 02 con chung là:

- Trần Lê Ánh Ng - Sinh ngày 09 tháng 9 năm 2014;

- Trần Lê Ánh TH1 - Sinh ngày 11 tháng 10 năm 2016.

2.2. Giao con chung là Trần Lê Ánh Ng và Trần Lê Ánh TH1 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

2.3. Anh Trần Lê H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi cháu một tháng là 1.000.000đồng, cả hai cháu mỗi tháng là 2.000.000đồng (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2022 cho đến khi cháu Trần Lê Ánh Ng và Trần Lê Ánh TH1 đủ 18 tuổi.

2.4. Anh H1 có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Chị H và anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000^d tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000^d theo biên lai thu tiền số 0006377 ngày 16/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Chị H đã nộp đủ.

- Anh Trần Lê H1 phải chịu 300.000^d tiền án phí DSST về nghĩa vụ cấp dưỡng.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- Thi hành án dân sự;
- UBND xã Xuân Thọ (Ghi sổ hộ tịch)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Ngọc Tuấn

